

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Soroles và ông Huỳnh Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 30/01/2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Bé V, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ 05, ấp P, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Tổ 05, ấp Phú H, xã Phú V, thị xã T, An Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Bé V trình bày: Năm 2011, bà V và ông H do tự tìm hiểu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46 ngày 13/5/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc tại ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Đến cuối năm 2023, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, ông V ghen tuông. Vợ chồng bà V và ông H đã sống xa nhau từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Đỗ Bé V và ông Nguyễn Ngọc H có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/9/2011 và Nguyễn Ngọc Kim Ng, sinh ngày 15/10/2018. Hiện tại 02 con chung đang chung sống cùng bà V, ông H thường tới lui thăm con chung.

Bà V yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Thống nhất với bà V về điều kiện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc tại ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Đến cuối năm 2023, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về kinh tế. Vợ chồng bà V và ông H đã sống xa nhau từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Do còn thương yêu vợ, nên ông H mong muốn Hn gắn tình cảm với bà V, để gia đình đoàn tụ nuôi dạy các con, ông H không đồng ý ly hôn với bà V.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Đỗ Bé V và ông Nguyễn Ngọc H có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/9/2011 và Nguyễn Ngọc Kim Ng, sinh ngày 15/10/2018. Ông H yêu cầu đoàn tụ gia đình để nuôi dạy hai con chung.

- Cháu Nguyễn Đức H có nguyện vọng được sống chung với bà Đỗ Bé V.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến Hnh thu thập chứng cứ: Xác minh mối quan hệ hôn nhân và gia đình ban ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, cụ thể như sau: Vợ chồng V và H có hai người con chung Nguyễn Đức H, sinh năm 2011 và Nguyễn Ngọc Kim Ng, sinh năm 2018. Hiện hai cháu đang được vợ chồng H – V nuôi dạy. Hằng ngày, vợ chồng H, V làm nghề mua bán kinh tế gia đình do hai vợ chồng cùng làm. Thời gian gần đây, vợ chồng có cãi nhau mâu thuẫn nhau về kinh tế. Sau đó, H khởi đơn kiện yêu cầu ly hôn với V nhưng rút đơn khởi kiện. Khi H rút đơn khởi kiện lại thì V không đồng ý Hn gắn tình cảm gia đình nên tiếp tục khởi đơn kiện ly hôn tại Tòa án. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng của V, H mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài. Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay, H và V đã sống xa nhau hai con chung đang sống chung với V. V nuôi dạy con tốt, H có tới lui thăm con chung, một tuần thăm một, hai lần.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bà V kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H yêu cầu được nuôi dạy hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết

Ông H không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ gia đình nuôi dạy hai con chung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Bé V với ông Nguyễn Ngọc H.

- *Về con chung*: Bà Đỗ Bé V được nuôi dạy hai con chung. Ông Nguyễn Ngọc H không phải cấp dưỡng con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/9/2011 và Nguyễn Ngọc Kim Ng, sinh ngày 15/10/2018.

- *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Bà Đỗ Bé V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H. Ông H có nơi cư trú ấp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông H do tự tìm hiểu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46 ngày 13/5/2022 phù hợp Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa bà V và ông H là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà V và ông H đồng khai cuối năm 2023, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về kinh tế. Vợ chồng bà V và ông H đã sống xa nhau từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay.

Bà H nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông H. Ông H mong muốn được đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con chung.

Theo kết quả xác minh mối quan hệ hôn nhân và gia đình ban áp Phú Hưng, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang: Hằng ngày, vợ chồng H, V làm nghề mua bán kinh tế gia đình do hai vợ chồng cùng làm. Thời gian gần đây, vợ chồng có cãi nhau mâu thuẫn nhau về kinh tế. Sau đó, H khởi đơn kiện yêu cầu ly hôn với V nhưng rút đơn khởi kiện. Khi H rút đơn khởi kiện lại thì V không đồng ý hàn gắn tình cảm gia đình nên tiếp tục khởi đơn kiện ly hôn tại Tòa án. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng của V, H mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài.

Xét thấy, tại phiên tòa, bà V kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H. Hôn nhân phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên và cuộc sống vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Bà V và ông H đã sống xa nhau từ.....Tòa án đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không tHnh.

Tình trạng vợ chồng bà V và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho bà V ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Ông H và bà V thống nhất khai, trong thời kỳ hôn nhân, có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/9/2011 và Nguyễn Ngọc Kim Ng, sinh ngày 15/10/2018. Hiện các con chung đang sống với chung với bà V. Sau khi ly hôn, bà V yêu cầu nuôi con chung.

Biên bản ghi nhận ý kiến và tại phiên tòa, cháu Ho có nguyện vọng được sống với mẹ V vì cuộc sống đầy đủ.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của cháu Ho, cuộc sống của cháu cũng ổn định. Xét, giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/9/2011 và Nguyễn Ngọc Kim Ng, sinh ngày 15/10/2018 cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà V cùng các tHnh viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà V cùng thống nhất khai, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí, bà V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp. Ông H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Bé V.

Bà Đỗ Bé V được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46 do Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp ngày 13 tháng 5 năm 2022 cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Đỗ Bé V không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Bà Đỗ Bé V được tiếp tục nuôi dạy 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 21/9/2011 và Nguyễn Ngọc Kim Ng, sinh ngày 15/10/2018 cho đến khi con chung tHnh niên và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Ngọc H không phải cấp nuôi con chung.

Bà V cùng các tHnh viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí:

Bà Đỗ Bé V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007832 ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi Hnh án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Ngọc H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi Hình án dân sự; Thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà V và ông H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết